

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT (TVAM)

BẢN CÁO BẠCH
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

NĂM 2021

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của quỹ.

BẢN CÁO BẠCH
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3

1. Tên của quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3 (TVGF3)
2. Loại hình quỹ: Quỹ đóng
3. Ngày đăng ký bản cáo bạch với UBCKNN: 09/06/2021
4. Thời hạn hiệu lực của bản cáo bạch: từ ngày 09/06/2021
5. Tiêu đề của bản cáo bạch: Bản cáo bạch Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3
6. Thông cáo nội dung sau:

“Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3 được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản báo cáo này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 09 tháng 06 năm 2021.”

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ của người phụ trách công bố thông tin:

Bà Nguyễn Thị Anh Tú

Chức vụ: Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (TVAM)

Điện thoại : (8428) 6299 2090 Fax : (8428) 6299 2103

Địa chỉ : Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

8. Nơi cung cấp bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính, hình thức cung cấp các tài liệu này (trụ sở chính, Website...):

Bản Cáo Bạch cùng với các tài liệu của Quỹ (Điều Lệ Quỹ, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan khác) được cung cấp trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (www.tvam.vn), tại địa chỉ Công Ty tại Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 4 |
| 1. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt (“TVAM”) | 4 |
| 2. Ngân hàng giám sát: | 4 |
| II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA | 4 |
| III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ..... | 6 |
| 1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam..... | 6 |
| 2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư..... | 8 |
| IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ..... | 9 |
| 1. Các thông tin chung về công ty quản lý quỹ..... | 9 |
| 2. Các thông tin về tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ | 15 |
| V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT..... | 16 |
| VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN (dự kiến) | 16 |
| VIII. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ | 16 |
| 1. Thông tin chung về quỹ | 16 |
| 2. Điều lệ Quỹ trong đợt chào bán lần đầu:..... | 17 |
| 3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ | 17 |
| IX. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU | 18 |
| 1. Căn cứ pháp lý: | 18 |
| 2. Phương án phát hành lần đầu..... | 19 |
| 3. Thời điểm và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng..... | 23 |
| X. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ | 27 |
| 1. Báo cáo tài chính:..... | 27 |
| 2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ | 27 |
| 3. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động | 27 |
| 4. Các chỉ tiêu hoạt động | 29 |
| 5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của quỹ | 30 |
| 6. Dự báo kết quả hoạt động của quỹ..... | 30 |
| 7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của quỹ | 30 |
| XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH: | 31 |
| XII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO..... | 31 |
| XIII. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NĐT | 31 |
| XIV. CAM KẾT | 31 |
| XV. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM..... | 31 |
| PHỤ LỤC I: QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN MUA CHỨNG CHỈ QUỸ | 33 |
| PHỤ LỤC II: PHIẾU ĐĂNG KÝ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ..... | 34 |

| | |
|--|-----------|
| PHỤ LỤC III: ĐỊA CHỈ CÁC NƠI CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH..... | 36 |
| PHỤ LỤC IV: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ..... | 37 |

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt (“TVAM”)

Bà: Nguyễn Thanh Thảo - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Trần Vinh Quang - Chức vụ: Tổng giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Anh Tú - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Đại diện pháp luật: Ông Võ Hải Nam - Giám đốc Chi nhánh

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Thu Cúc - Phó Giám đốc chi nhánh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành. Chúng tôi, Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 chịu trách nhiệm theo các nội dung trong Hợp đồng giám sát được ký giữa Ngân hàng Giám sát và Công ty Cổ phần quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM) và các quy định pháp luật liên quan.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

| | |
|--|--|
| “Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3” | Là Quỹ đại chúng dạng đóng theo quy định của pháp luật về chứng khoán (Sau đây gọi tắt là “Quỹ” hoặc “TVGF3”). |
| “Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt” | Là Công ty quản lý quỹ được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006; Quyết định số 379/QĐ-UBCK về việc bổ sung Giấy phép hoạt động quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/06/2007; Giấy phép điều chỉnh số 56/UBCK-GPĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/10/2013; Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/05/2015; Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/09/2015; và Giấy phép điều chỉnh số 74/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/11/2020 (Sau đây gọi tắt là “Công ty quản lý quỹ” hoặc “TVAM”). TVAM là Công ty được ủy thác quản lý Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3. |
| “Ngân hàng giám sát” | Là Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được cấp Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký số 19/GCNTVLK-CN-3 do Tổng giám đốc Trung tâm lưu ký cấp ngày 30/12/2014, được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện các nghiệp vụ như bảo quản, lưu ký chứng khoán, các hợp đồng kinh tế và chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, xác |

nhận các báo cáo liên quan đến tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ lập theo quy định của pháp luật và thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do công ty Quản lý Quỹ thực hiện.

| | |
|---------------------------|--|
| “Công ty kiểm toán” | Là Công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ. |
| “Điều lệ” | Là Điều lệ Quỹ, các phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). |
| “Bản cáo bạch” | Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử cung cấp cho nhà đầu tư, cơ quan quản lý có thẩm quyền những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành chứng chỉ quỹ. |
| “Hợp đồng giám sát” | Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát, được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ. |
| “Đại hội Nhà đầu tư” | Là đại hội của các Nhà đầu tư có quyền tham dự và biểu quyết, được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường, để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ, thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ. |
| “Ban đại diện quỹ” | Là những người đại diện cho các Nhà đầu tư, được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà đầu tư thực hiện giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam. |
| “Vốn điều lệ” | Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ Quỹ. |
| “Chứng chỉ quỹ” | Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư góp vốn đối với một phần vốn góp của quỹ. Mệnh giá 01 Chứng chỉ Quỹ là 10.000 đồng. |
| “Giá bán” | Là mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu) cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ. |
| “Giá dịch vụ quản lý quỹ” | Là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ. |
| “Giá dịch vụ phát hành” | Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ chờ quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm mệnh giá trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ |
| “Phí thưởng” | Là khoản phí mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ, nếu giá trị tài sản ròng của quỹ trong giai đoạn tính thưởng hoạt động quy định tại điều lệ Quỹ vượt quá chỉ số tham chiếu do Đại hội Nhà đầu tư quy định một tỷ lệ phần trăm nhất định quy định tại điều lệ Quỹ. |
| “Lợi tức quỹ/Cổ tức quỹ” | Là số lợi nhuận còn lại của quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư. |

| | |
|--------------------------------|--|
| “Ngày lập Quỹ” | Là ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ. |
| “Năm tài chính” | Kỳ kế toán năm là mười hai tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021. |
| “Giá trị tài sản ròng của Quỹ” | Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại thời điểm định giá. |
| “Ngày định giá” | Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. |
| “Người có liên quan” | Là khái niệm “người có liên quan” được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 |
| “Các định nghĩa khác” | Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan. |

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

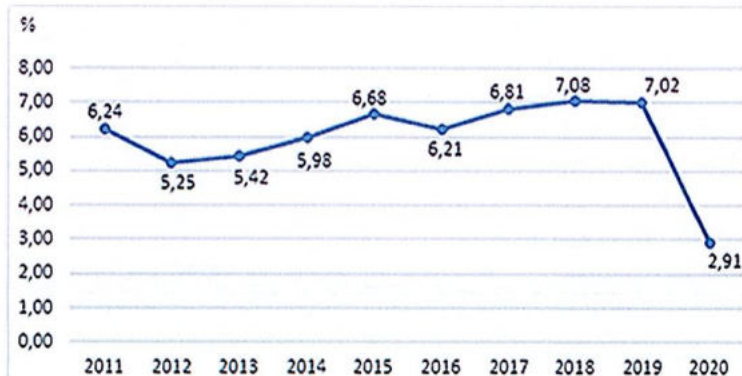
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 6% trong 5 năm 2016 – 2020 (6.8% nếu tính từ 2016 – 2019), Việt Nam thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất khu vực và là một trong số ít các nền kinh tế tại Châu Á đạt mức tăng trưởng GDP dương trong năm 2020, trong bối cảnh dịch bệnh Covid bùng phát gây ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế toàn cầu. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tiếp tục được kiểm soát dưới 4%, tạo nền tảng ổn định cho phát triển kinh tế. Nguồn vốn FDI gia tăng không ngừng, hoạt động xuất khẩu được thúc đẩy bởi hàng loạt các hiệp định thương mại song phương và đa phương được ký kết gần đây, và việc đẩy mạnh đầu tư công sẽ là các yếu tố góp phần thúc đẩy tăng trưởng GDP trong thời gian tới. Việt Nam đang trở thành một trong những điểm đến đầu tư hàng đầu của nhiều quốc gia nhằm đa dạng hóa danh mục đầu tư ở châu Á.

▪ Tăng trưởng GDP nằm trong nhóm cao nhất của Châu Á và dự kiến phục hồi trong năm 2021

Tăng trưởng GDP chậm lại trong năm 2020, đạt 2,9% do ảnh hưởng từ dịch bệnh, cùng với Trung Quốc và Myanmar, Việt Nam là một trong ba quốc gia ở châu Á có mức tăng trưởng dương trong năm 2020. Tăng trưởng GDP được dự báo sẽ phục hồi mạnh vào năm 2021, dự kiến đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là 6,0%, nhờ sự kiểm soát dịch chặt chẽ và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, nới lỏng tiền tệ của Chính phủ.

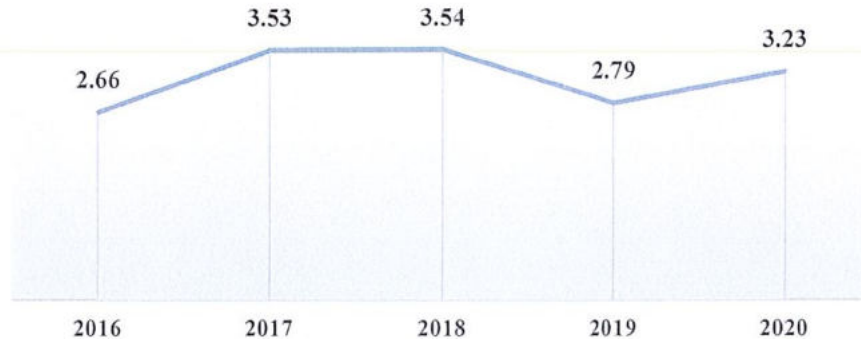
Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2010 - 2020



Nguồn: Tổng cục thống kê

▪ **CPI được kiểm soát ổn định qua các năm**

Tăng trưởng CPI bình quân (%) giai đoạn 2016 – 2020



Nguồn: Tổng cục thống kê

CPI bình quân năm 2020 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau: giá các mặt hàng lương thực thực phẩm tăng, trong đó giá gạo tăng do giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng, giá thịt lợn tăng; giá thuốc và thiết bị y tế tăng do dịch bệnh trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp nên nhu cầu về mặt hàng này ở mức cao; tăng học phí theo lộ trình của Chính phủ.

Bên cạnh đó có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2020: giá các mặt hàng thiết yếu như xăng, dầu giảm; nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm giá của nhóm du lịch trọn gói, giá cước vận tải của các loại phương tiện như tàu hỏa, máy bay giảm; giá điện giảm; các cấp, các ngành tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để ngăn chặn diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, bảo đảm cân đối cung cầu và ổn định thị trường.

Cho năm 2021, Chính phủ tiếp tục đặt mục tiêu kiểm soát CPI bình quân ở mức 4%.

- **Tỷ giá dự báo tiếp tục ổn định trong 2021** do chính sách nới lỏng tiền tệ của các quốc gia và nguồn dự trữ ngoại hối dồi dào trong nước. Trong năm 2020, dự trữ ngoại hối đã tăng 21 tỷ USD và chạm mốc 100 tỷ USD, tương đương khoảng 4 tháng nhập khẩu.
- **Dòng vốn FDI tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới**

Theo Cục đầu tư nước ngoài, dù chịu ảnh hưởng lớn từ Covid-19, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam (FDI), bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,5 tỷ USD, bằng 75% so với cùng kỳ năm trước đó, vốn FDI thực hiện vẫn đạt 19,98 tỷ USD, bằng 98% so với cùng kỳ năm 2019.

Sau khi có phần chững lại trong năm 2020, dự kiến dòng vốn FDI vào Việt Nam sẽ tăng trưởng trở lại trong giai đoạn 2021 và 2022, được hỗ trợ bởi các Hiệp định thương mại vừa ký kết, hiệu quả kiểm soát dịch bệnh và làn sóng dịch chuyển sản xuất khỏi Trung Quốc.

- **Xuất nhập khẩu tăng trưởng mạnh hỗ trợ bởi các hiệp định thương mại**

Theo số liệu sơ bộ từ Tổng cục Hải quan, năm 2020, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 545,36 tỷ USD, tăng 5,4% với năm trước. Trong đó xuất khẩu hàng hóa đạt 282,65 tỷ USD, tăng 7%; nhập khẩu hàng hóa đạt 262,7 tỷ USD, tăng 3,7%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 ước tính xuất siêu 19,95 tỷ USD, gần gấp đôi so với cùng kỳ và là mức cao nhất trong 5 năm liên tiếp xuất siêu kể từ năm 2016, bất chấp ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Kim ngạch xuất nhập khẩu và cán cân thương mại 2016 – 2020 (Tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hưởng lợi từ các hiệp định FTA được ký kết và tiêu dùng toàn cầu phục hồi khi dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, hoạt động thương mại xuất nhập khẩu và đầu tư của Việt Nam được dự đoán sẽ đạt sự tăng trưởng mạnh mẽ, từ đó thúc đẩy tăng trưởng GDP của cả nước trong những năm sắp tới.

▪ **Đầu tư công**

Trong bối cảnh dịch Covid-19 gây nhiều ảnh hưởng tới nền kinh tế, theo Bộ Tài chính, ước giải ngân vốn đầu tư công năm 2020 gần 390 nghìn tỷ đồng, đạt 82,8% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, là tỷ lệ giải ngân cao nhất trong cả giai đoạn 2016 – 2020 (cùng kỳ các năm từ 2016 đến 2019 đạt lần lượt là: 80,3%; 73,3%; 66,87% và 67,46%)

Hoạt động đầu tư công sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong giai đoạn 2021 và 2022. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng mức vốn đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025 dự kiến lên tới 2.750 nghìn tỷ đồng (tăng 37,5% so với giai đoạn trước).

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Năm 2020, dù chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực do dịch bệnh, thị trường chứng khoán Việt Nam được đánh giá là 1 trong 10 thị trường chứng khoán phục hồi tốt nhất thế giới. Chỉ số VNIndex vượt 1.100 điểm, đạt 1103,87 điểm, tăng mạnh tới 67% so với thời điểm thấp nhất của năm 2020, tăng 14,9% so với thời điểm cuối năm 2019. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 5.294 nghìn tỷ đồng, tăng 69% so với thời điểm cuối quý I và tăng 20,8% so với cuối năm 2019, tương đương 84,1% GDP năm 2020. Thanh khoản tính chung cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM tăng mạnh lên mức cao kỷ lục cho thấy sức hấp dẫn của thị trường Việt Nam dù chịu ảnh hưởng của bệnh, giá trị giao dịch bình quân của cả 3 sàn năm 2020 đạt trên 7.420 tỷ đồng/phiên, tăng gần 59% so với bình quân năm 2019. Đặc biệt những có những phiên giao dịch của tháng 12 thanh khoản đạt trên 15.000 tỷ đồng/phiên.

Dù vẫn còn nhiều khó khăn khi tình hình dịch bệnh còn phức tạp, thị trường chứng khoán năm 2021 kỳ vọng sẽ diễn biến thuận lợi trong bối cảnh Việt Nam vẫn duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ, dịch bệnh được kiểm soát tốt, hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi, thị trường vẫn ở mức định giá tương đối hấp dẫn và thu hút dòng tiền giải ngân của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

▪ **Thị trường chứng khoán tiếp tục thu hút dòng vốn giải ngân**

Chính sách nới lỏng tiền tệ và giữ mặt bằng lãi suất thấp của Chính phủ góp phần thúc đẩy kinh tế, hỗ trợ các doanh nghiệp và kích thích dòng tiền giải ngân vào thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, việc khởi động lại hoạt động cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước, nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới (như giao dịch trong ngày, bán khống có đảm bảo...) sẽ giúp mở rộng quy mô và tăng tính đa dạng, hấp dẫn của thị trường với nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Ngoài ra, kỳ vọng nâng hạng thị trường trong năm 2021 và khả năng kiểm soát tốt dịch bệnh của Việt Nam cũng góp phần thu hút dòng vốn của nhà đầu tư nước ngoài. Việt Nam hiện đang là thị trường lớn thứ hai trong rổ MSCI Frontier Market, nhưng đã vượt một số thị trường mới nổi khác về vốn hóa và khối lượng giao dịch. Hiện tại, Việt Nam đã thỏa mãn 7 trên tổng số 9 điều kiện tiên quyết để được nâng hạng lên thị trường mới nổi loại 2. Nhà đầu tư nước ngoài cũng cho thấy những khả năng sẽ quay lại mua ròng trên thị trường chứng khoán trong hai năm tới do Việt Nam hiện là nước có hiệu quả kiểm soát dịch bệnh tốt nhất thế giới.

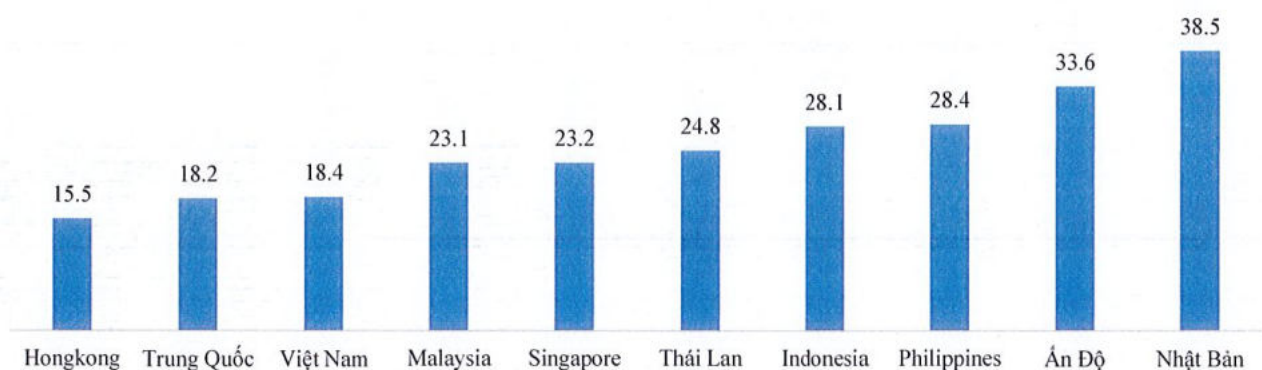
▪ **Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp phục hồi**

Dịch bệnh dần được kiểm soát sau khi có Vacxin, tỷ giá được giữ ổn định, các chính sách hỗ trợ và hạ lãi suất của Chính phủ sẽ góp phần giúp các doanh nghiệp Việt Nam phục hồi với lợi nhuận dự kiến tăng trưởng 20% - 25% trong năm 2021. Bên cạnh đó, việc Chính phủ cấp phép trở lại các dự án bất động sản và đẩy mạnh đầu tư công trong thời gian tới sẽ thúc đẩy hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bất động sản và các ngành nghề liên quan.

▪ **Định giá thị trường tương đối hấp dẫn**

Thị trường chứng khoán Việt Nam cuối năm 2020 đang giao dịch ở mức P/E 18,4, nằm trong nhóm thấp nếu so với các thị trường khác trong khu vực, trong khi lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường được dự phóng tăng trưởng 20% - 25% trong năm 2021.

P/E của một số thị trường – tại ngày 31/12/2020



Nguồn: Bloomberg

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về công ty quản lý quỹ

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT
- Tên viết tắt: TVAM
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ: (xem mục II, định nghĩa “Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt”)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103005796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 26/12/2006
- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 9, tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.62992090 Fax: 028.62992103
- Vốn điều lệ: 125.000.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng)

1.1 Giới thiệu về cổ đông TVAM: Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt - cổ đông sở hữu 99,84% TVAM

Được thành lập vào năm 2007, Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt - TVS được cấp phép đầy đủ với hoạt động trong ngành nghề kinh doanh chứng khoán và tư vấn tài chính tại Việt Nam, tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và nỗ lực đáp ứng nhu cầu khách hàng. Dịch vụ tài chính của TVS bao gồm Ngân hàng đầu tư, tự doanh, môi giới cho khách hàng cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước và nghiên cứu phân tích.

TVS có trụ sở tại Hà Nội và chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với một đội ngũ hơn 70 thành viên. Trong tháng 6 năm 2010, TVS đã trở thành tổ chức Ngân hàng đầu tư đầu tiên tại Việt Nam nhận được vốn đầu tư từ IFC, thành viên của World Bank (Ngân hàng Thế giới).

Trong 5 năm qua (2016-2020), với mức lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) bình quân mỗi năm là 17,1%, riêng trong năm 2020 đạt mức 20,34%, TVS luôn nằm trong top 10 của các công ty chứng khoán tại Việt Nam có ROE cao nhất. TVS luôn tập trung nguồn lợi vào hai mảng kinh doanh chính - Ngân hàng đầu tư và Tự doanh trong giai đoạn khó khăn của thị trường tài chính.

Trong mảng Tự doanh và Đầu tư, TVS luôn cố gắng cân bằng rủi ro và lợi nhuận phù hợp với chiến lược đầu tư giá trị thay vì đầu cơ theo xu hướng thị trường.

Trong lĩnh vực Ngân hàng đầu tư, TVS là một trong những nhà tư vấn hàng đầu tại Việt Nam, đến cuối năm 2020, TVS đã tư vấn thành công 38 thương vụ thành công, tổng giá trị khoảng 1 tỷ USD ở Việt Nam. Thương vụ Diana - Unicharm, trong đó TVS là nhà tư vấn tài chính độc quyền của các cổ đông Diana, được trao giải thưởng "Thương vụ tốt nhất của năm" bởi tạp chí The Asset Magazine vào năm 2011

- Thành tích ngân hàng đầu tư TVS (một số thương vụ tiêu biểu)

Tính đến hết 2020, TVS đã hoàn thành 38 thương vụ huy động vốn và M&A với tổng giá trị khoảng 1 tỷ đô USD

| Năm | Quy mô | Khách hàng | Nhà đầu tư | Ghi chú |
|------|---------|---|---|--|
| 2020 | US\$7M |  |  | M&A ngành giáo dục |
| 2019 | US\$17M |  |  | M&A ngành tự động hoá hệ thống truyền tải điện |
| 2019 | US\$18M |  |  | Huy động vốn ngành bất động sản |
| 2019 | US\$20M |  |  | Huy động vốn |
| 2018 | US\$20M |  |  | Huy động vốn |
| 2018 | US\$38M |  |  | M&A lĩnh vực cơ sở hạ tầng |
| 2018 | US\$10M |  |  | Huy động vốn ngành truyền thông giải trí |

| | | | | |
|------|----------|---|--|---|
| 2017 | US\$50M |  |  | M&A ngành nông nghiệp |
| 2016 | US\$12M |  |  | Thoái vốn đầu tư ngành hạ tầng |
| 2016 | US\$5M |  |  | Huy động vốn ngành giáo dục |
| 2016 | US\$28M |  | Standard Chartered & Goldman Sachs | Huy động vốn ngành công nghệ |
| 2016 | US\$20M |  |  | Thoái vốn đầu tư ngành truyền thông và giải trí |
| 2015 | US\$13M |  |  | M&A ngành dược phẩm |
| 2015 | US\$91M |  |  | M&A ngành hạ tầng |
| 2015 | US\$30M |  |  | Thoái vốn đầu tư ngành hạ tầng |
| 2014 | US\$15M |  |  | M&A ngành nuôi trồng thủy sản |
| 2014 | US\$13MM |  | GIC | M&A ngành vận tải |
| 2014 | US\$20MM |  |  | M&A ngành thủy sản |
| 2014 | US\$22MM |  |  & others | Huy động vốn ngành bất động sản |
| 2013 | US\$15MM |  |  | Huy động vốn ngành cơ sở hạ tầng |
| 2013 | US\$20MM |  |  | M&A ngành truyền thông giải trí |
| 2013 | US\$40MM |  |  | M&A ngành bất động sản |
| 2012 | US\$30MM |  |  | M&A ngành ngân hàng |
| 2012 | US\$42MM |  |  | M&A lĩnh vực cơ sở hạ tầng |
| 2012 | US\$16MM | BTRC |  | M&A lĩnh vực cơ sở hạ tầng |

| | | | | |
|------|----------------------------------|---|---|--|
| 2011 | US\$41MM |  |  | M&A lĩnh vực cơ sở hạ tầng |
| 2011 | US\$184MM (thông tin công bố) |  |  | M&A ngành hàng tiêu dùng Giải thưởng “Thương vụ tốt nhất năm” tạp chí “The Asset Magazine” năm 2011 |
| 2010 | US\$40MM |  |  | Huy động vốn lĩnh vực cơ sở hạ tầng |
| 2008 | US\$15MM |  |  | M&A lĩnh vực vật liệu xây dựng |
| 2007 | US\$11MM |  |  | M&A lĩnh vực hàng tiêu dùng; thương vụ đầu tư đầu tiên của Goldman Sachs ở VN |

1.2 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty Quản lý Quỹ

a) Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Quản lý Quỹ bao gồm bốn thành viên như sau:

- Bà Nguyễn Thanh Thảo – Chủ tịch
- Ông Trần Vinh Quang – Thành viên
- Ông Lê Quang Tiến – Thành viên
- Ông Jonathan Charles Eames – Thành viên

b) Thông tin tóm tắt về các thành viên Hội đồng quản trị:

▪ Bà NGUYỄN THANH THẢO



- Họ và tên: Nguyễn Thanh Thảo
- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Số CMND: 012893878

Kinh nghiệm làm việc: Bà Thảo là Giám đốc điều hành chi nhánh công ty TVS tại TP Hồ Chí Minh từ tháng 09/2008 trước khi trở thành Tổng Giám đốc Công ty TVS vào tháng 03/2013. Bà từng là Trưởng phòng nghiên cứu và phân tích của Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt khi gia nhập TVS vào năm 2007. Bà từng là chuyên viên phân tích tài chính cao cấp tại Ameritrust Capital Holdings - một trong những nhà cho vay thế chấp lớn nhất ở Mỹ, và các tổ chức tài chính khác. Trước đó, Bà từng làm việc tại văn phòng luật tại California, Mỹ. Bà có bằng cử nhân kinh tế tại trường ĐH Quan hệ Quốc tế (MGIMO) tại Cộng hòa liên bang Nga năm 1997 và bằng Quản trị kinh doanh (MBA) tại California, Mỹ năm 2005.

▪ Ông TRẦN VINH QUANG



- Họ và tên: Trần Vinh Quang
- Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Số CMND: 023709283

Kinh nghiệm làm việc: Ông Quang tham gia vào Công ty Chứng khoán thiên Việt Thiên Việt từ năm 2011 với vai trò Giám đốc đầu tư. Từ 07/2015 đến nay, Ông Quang đảm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc TVAM. Trước khi tham gia TVS, ông Quang từng có hơn 6 năm kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng quản lý Danh mục Đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt, phụ trách 2 Quỹ đầu tư với tổng tài sản khoảng 70 triệu USD. Trước đó, ông Quang cũng từng công tác tại phòng kế toán tài chính tại Unilever Việt Nam. Ông Quang tốt nghiệp Cử nhân tài

chính loại xuất sắc tại Đại học New South Wales – Úc vào năm 2005 theo chương trình học bổng toàn phần của chính phủ Úc. Ông Quang đã hoàn tất chương trình ACCA (Hiệp Hội Kế toán Công chứng Anh) và của CFA (Hiệp hội Chuyên viên phân tích tài chính Mỹ). Ông Quang hiện là hội viên của hiệp hội CFA.

▪ **Ông LÊ QUANG TIẾN**



- Họ và tên: Lê Quang Tiến
- Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Số CMND: 001077010187

Kinh nghiệm làm việc: Ông Tiến hiện là Giám đốc Kinh doanh Nguồn vốn Công ty Cổ phần chứng khoán Thiên Việt. Trước khi gia nhập Thiên Việt vào năm 2007, Ông Tiến là kế toán trưởng Công ty bao bì Hanpack. Ông Tiến có trên 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính và kiểm toán. Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Đại học Quốc Gia Hà Nội và chứng chỉ Kiểm toán viên (CPA) của Bộ Tài chính.

▪ **Ông JONATHAN CHARLES EAMES**



- Họ và tên: Jonathan Charles Eames
- Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Số passport: 538888015

Kinh nghiệm làm việc: Với hơn 25 năm kinh nghiệm tiên phong phát triển và quản lý các khu bảo tồn ở Đông Nam Á, ông Jonathan Charles Eames đã quản lý một dự án nhân rộng mạng lưới các khu bảo tồn ở Việt Nam từ một lên hai triệu ha và đã hỗ trợ Chính phủ Việt Nam và Campuchia thành lập hơn 14 khu bảo tồn mới, gần đây nhất là Khu bảo tồn động vật hoang dã Tây Siem Pang ở Campuchia. Ông đã thành lập các chương trình bảo tồn cho BirdLife International tại Việt Nam và Campuchia. Hiện nay, Ông đang chú trọng phát triển Công ty Rising Phoenix. Ltd., một doanh nghiệp xã hội chuyên hỗ trợ việc bảo tồn Khu bảo tồn Động vật Hoang dã Tây Siem Pang. Ông cũng đang quản lý các dự án có nhiều nhà tài trợ, bao gồm việc điều phối khoản đầu tư mười triệu đô la của Quỹ Hệ sinh thái Trọng yếu (Critical Ecosystem Partnership Fund) cho khu vực sông Mekong. Ông có bằng Cử nhân ngành Nghiên cứu Phát triển của Đại học East Anglia, Vương quốc Anh và được Nữ hoàng Anh Elizabeth II phong tước OBE cho các cống hiến trong việc bảo tồn di sản sinh học và phát triển xã hội vào năm 2011.

1.3 Giới thiệu về Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

▪ **Ông NGUYỄN DUY QUANG**



- Họ và tên: Nguyễn Duy Quang
- Chức vụ: Giám đốc bộ phận quản lý quỹ đầu tư của TVAM
- Số CMND: 023270005

Kinh nghiệm làm việc: Ông Quang hiện có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư. Ông Quang từng làm việc cho một số tập đoàn đa quốc gia như PricewaterhouseCoopers, Unilever ở các vị trí Chuyên viên Tư vấn quản lý và Phó phòng kế toán Quản trị trong nhiều năm. Ông Quang đã từng giữ vị trí Phó giám đốc đầu tư trong vòng 4 năm cho Quỹ đầu tư nước ngoài Vietnam Equity Holding với tổng giá trị tài sản trên 100 triệu USD. Ông Duy Quang hiện là Người điều hành Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM (TVGF) và Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2 (TVGF2). Ông Quang tốt nghiệp Đại Học Kinh tế Hồ Chí Minh, Khoa kế toán kiểm toán.

▪ **Ông TRẦN VINH QUANG (xem mục 1.2.b)**

1.4 Giới thiệu về Hội đồng đầu tư TVAM (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên)

Hoạt động kinh doanh của Quỹ sẽ được quản lý dưới sự chỉ đạo của Hội đồng đầu tư Công ty quản lý Quỹ. Hội đồng đầu tư chịu trách nhiệm xác định mục tiêu đầu tư, đưa ra các chính sách và hạn chế trong lĩnh vực đầu tư. Các cuộc họp Ban điều hành Quỹ và Hội đồng đầu tư sẽ được tổ chức ít nhất mỗi quý một lần. Hội đồng đầu tư sẽ giám sát tình hình kinh doanh của Quỹ và đưa ra chỉ đạo, hướng dẫn đối với Giám đốc đầu tư nếu thấy thích hợp.

Hội đồng đầu tư đưa ra quyết định đầu tư khi có đa số phiếu bầu tại các cuộc họp với đủ số đại biểu cần thiết tham dự. Trong trường hợp số phiếu bầu là bằng nhau, Chủ tịch có quyền quyết định cuối cùng.

Thông tin chi tiết 4 thành viên Hội đồng đầu tư:

- Ông NGUYỄN TRUNG HÀ – *Chủ tịch Hội đồng đầu tư*



Ông Hà được biết đến như là một chiến lược gia kinh doanh hàng đầu với bề dày kinh nghiệm đầu tư qua hơn 30 công ty trong nước. Ông Hà là một trong những thành viên sáng lập của tập đoàn FPT trong 1988 và là người hoạch định chiến lược của FPT trong nhiều năm. Ông Hà cũng là thành viên sáng lập của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), hiện là một trong những ngân hàng thương mại tư nhân lớn nhất tại Việt Nam.

- Bà ĐINH THỊ HOA – *Thành viên Hội đồng đầu tư*



Bà Hoa là người thành lập và là Chủ tịch tập đoàn Galaxy, một trong những tập đoàn truyền thông và giải trí thành công lớn nhất Việt Nam. Bà Hoa là người Việt Nam đầu tiên có bằng MBA tại Đại học Harvard sau giải phóng. Bà cũng là nhân tố quan trọng trong việc hỗ trợ thiết lập các hợp đồng đầu tiên của Procter & Gamble (trị giá 100 triệu USD) tại Việt Nam trước khi thành lập tập đoàn Galaxy vào năm 1994. Bà Hoa cũng là người thành lập Trường kinh doanh Hà Nội và cũng là Trưởng khoa Marketing của trường trong nhiều năm.

- Bà BÙI THỊ KIM OANH – *Thành viên Hội đồng đầu tư*



Kinh nghiệm làm việc : Bà Oanh từng làm việc cho tập đoàn Bảo hiểm Bảo Việt trong vòng 6 năm và Quản lý Quỹ Vietnam Frontier Fund trong vòng 7 năm. Bà có bằng cử nhân kinh tế tại Đức và MBA tại Thái Lan. Bà Oanh hiện là Giám đốc điều hành của Vietnam Equity Fund, và có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính Việt Nam.

- Bà NGUYỄN THANH THẢO – *Thành viên Hội đồng đầu tư (xem mục 1.2.b)*

1.5 Giới thiệu về ban điều hành Quỹ

- Ông NGUYỄN DUY QUANG (*xem mục 1.3*)

Số chứng chỉ hành nghề quản lý Quỹ: 001299/QLQ do UBCKNN cấp ngày 26/08/2015

▪ Ông **TRẦN VINH QUANG** (xem mục 1.2b)

Số chứng chỉ hành nghề quản lý Quỹ: 000792/QLQ do UBCKNN cấp ngày 14/11/2011

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (TVAM) thuộc sở hữu 99,84% bởi Công ty Cổ phần chứng khoán Thiên Việt (TVS).

Tại ngày 31/12/2017, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của TVAM là 406%, tổng tài sản đạt 58,3 tỷ đồng tăng trưởng 62,7% so với năm 2016, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 42,2 tỷ đồng, tăng 29%. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 34,2 và 16 tỷ đồng lần lượt tăng 135,8 % và 108% so với năm 2016.

Tại ngày 31/12/2018, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của TVAM là 382%, tổng tài sản đạt 36,3 tỷ đồng giảm 38% so với năm 2017, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 29,7 tỷ đồng giảm tương ứng 30%. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 8,7 và 1,6 tỷ đồng giảm lần lượt 74% và 90% so với năm 2017, tuy nhiên kết quả này theo tình hình chung của thị trường trong giai đoạn này.

Tại ngày 31/12/2019, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của TVAM là 397%, tổng tài sản đạt 37,2 tỷ đồng tăng trưởng 3% so với năm 2018, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 34,2 tỷ đồng, tăng 15%. Trong khi doanh thu năm 2019 chỉ đạt 6,7 tỷ đồng, giảm 23% so với năm 2018 tuy nhiên lợi nhuận sau thuế lại tăng 180%, tương ứng đạt 4,6 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc ghi nhận lợi tức của các khoản đầu tư trong năm (4,8 tỷ đồng).

Tại ngày 31/12/2020, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của TVAM là 492%. Trong quý 3/2020, TVAM đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 125 tỷ đồng và tiếp tục nghiên cứu, mở rộng các sản phẩm, dịch vụ của mình trong cả thị trường vốn và thị trường nợ. Đến hết năm 2020, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của TVAM đạt 16,2 tỷ đồng và 9,9 tỷ đồng, tăng trưởng 142% và 113% so với năm 2019.

Tới ngày 31/12/2020, TVAM đang quản lý hai Quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng, chi tiết như sau:

- Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM (mã chứng khoán: FUCTVGF1), được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 21/GCN-UBCK (ngày 20 tháng 5 năm 2016) với quy mô ban đầu là 150 tỷ đồng, đã tiến hành giải ngân từ cuối tháng 5/2016 khi VNIndex đang ở mức 612. Tính đến 31/12/2020, giá trị tài sản ròng của Quỹ đạt 222,5 tỷ đồng, tương ứng NAV/chứng chỉ quỹ là 14.832, tăng gần 38% so với đầu năm, vượt trội so với mức tăng trưởng 14,9% của VNIndex. Quỹ đã có hai đợt chia lợi tức cho nhà đầu tư với tỷ lệ là 20% (2.000 đồng/chứng chỉ quỹ) vào tháng 11/2017 và 10% (1.000 đồng/chứng chỉ quỹ) vào tháng 4/2019. Tính chung sau 4,5 năm hoạt động, Quỹ đã có mức tăng trưởng ấn tượng 97,8%.
- Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 (mã chứng khoán: FUCTVGF2), được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK (ngày 02 tháng 01 năm 2018), với quy mô ban đầu là 170 tỷ đồng. Quỹ bắt đầu giải ngân vào đầu tháng 01/2018, khi VNIndex đang ở mức trên 1.000 điểm. Tính đến 31/12/2020, giá trị tài sản ròng của Quỹ đạt 208,1 tỷ đồng, tương ứng NAV/chứng chỉ quỹ là 12.243, tăng 38,0% so với đầu năm, vượt trội so với VNIndex. Sau 3 năm hoạt động, Quỹ đạt mức tăng trưởng 22,4%.

Cùng với sự hỗ trợ chuyên sâu từ Công ty mẹ TVS về tài chính, quản trị, công nghệ, mối quan hệ với đối tác định chế tài chính, khách hàng tiềm năng,... TVAM sẽ phát triển thành một trong những công ty quản lý quỹ uy tín hàng đầu mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng và nhà đầu tư. Kết quả hoạt động của các quỹ do TVAM quản lý trong trong quá khứ nêu trên không hàm ý bảo đảm kết quả hoạt động của các quỹ mà TVAM quản lý trong tương lai.

Kết quả lợi nhuận trong năm năm gần nhất của TVAM như sau:

DVT: VND

| Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|-----|------|------|------|------|------|------|
|-----|------|------|------|------|------|------|

| | | | | | | |
|-----------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|
| Tổng doanh thu | 578.794.897 | 14.541.442.913 | 34.205.737.324 | 8.753.020.937 | 6.763.760.283 | 16.210.431.705 |
| LNST | 2.633.723.526 | 7.709.392.330 | 16.083.907.349 | 1.645.381.261 | 4.613.000.790 | 9.846.883.309 |
| Vốn điều lệ | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 | 125.000.000.000 |
| Tổng tài sản | 25.110.994.109 | 35.971.988.672 | 58.399.007.163 | 36.313.628.846 | 37.275.218.880 | 446.527.730.416 |
| VCSH | 25.063.782.565 | 32.773.174.895 | 42.221.612.628 | 29.758.603.154 | 34.256.427.256 | 155.402.660.524 |

Nguồn: BCTC của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Từ năm 2020, TVAM trở thành “đối tác chiến lược” của Finhay – một công ty thuộc lĩnh vực công nghệ tài chính, nhằm hỗ trợ phát triển các gói sản phẩm tài chính an toàn và hiệu quả cho người dùng của công ty này.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên đầy đủ: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
- Tên viết tắt: BIDV Hà Thành
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành được thành lập theo Giấy CNĐKHD-CN số: 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Giấy chứng nhận Chi nhánh thành viên lưu ký số: 19/GCNTVLK-CN-3 do Tổng Giám đốc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 30/12/2014.
- Trụ sở chính: 74 Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 024 3941 1845/46 Fax: 024 3941 1847
- Website: www.bidv.com.vn
- Lĩnh vực hoạt động chính: Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và đầu tư tài chính.
- Các điều kiện và điều khoản có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của Ngân hàng Giám sát cho Quỹ được thể hiện chi tiết tại Hợp đồng Giám sát giữa được ký giữa công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt và Ngân hàng Giám sát.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN (dự kiến)

- Tên công ty: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Giấy phép thành lập: Giấy phép kinh doanh 0300811802 cấp ngày 12/11/1998
- Địa chỉ: Tầng 28, tòa nhà Bitexco Financial Tower, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 028 3824 5252 Fax: 028 3824 5250
- Website: www.ey.com

VIII. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về quỹ

1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của quỹ

- Tên đầy đủ: Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3

- Tên tiếng Anh: Thien Viet Growth Fund 3
- Tên viết tắt: TVGF3
- Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 6299 2090 Fax: 028 6299 2103
- Website: www.tvam.vn Email: info@tvam.vn

1.2 Giấy chứng nhận đăng ký chào bán và quy mô quỹ

- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán: số ..69/GCN-UBCK...do UBCKNN cấp ngày .09./06./2021
- Quy mô quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 dự kiến huy động trong lần đầu phát hành là 400.000.000.000 (bốn trăm tỷ) đồng và tối thiểu đạt 100.000.000.000 (một trăm tỷ) đồng.

1.3 Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ: sẽ cập nhật sau

1.4 Tính chất và thời gian hoạt động của quỹ:

Quỹ là Quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được Công ty quản lý quỹ quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho Công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể trước hạn theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Thời gian hoạt động của Quỹ là 05 (năm) năm theo mục tiêu hoạt động của Quỹ. Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ và sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư và UBCKNN.

2. Điều lệ Quỹ trong đợt chào bán lần đầu:

Tóm tắt Điều lệ Quỹ được nêu ở Phụ Lục 4 của Bản Cáo Bạch này.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào Quỹ sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một ngân hàng giám sát hay bất kỳ tổ chức nào, về việc Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Đầu tư vào Quỹ có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoản thời gian dài. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này. Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ.

3.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà quỹ đầu tư có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm của toàn bộ thị trường. Rủi ro này thuộc rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên, Quỹ có cơ chế phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi, trái phiếu Chính Phủ nhằm hạn chế rủi ro này.

3.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất cũng gây ra những ảnh hưởng quan trọng đến Quỹ vì một phần giá trị tài sản ròng của Quỹ được đầu tư vào trái phiếu, tiền gửi ngân hàng hay các sản phẩm có thu nhập cố định... trong thời gian chờ cơ hội đầu tư vào chứng khoán. Giá trị những tài sản này có xu hướng biến động ngược chiều với lãi suất thị trường. Khi lãi suất thị trường tăng cao, các kênh đầu tư như tiền gửi trở nên hấp dẫn hơn và thường tác động xấu đến thị trường chứng khoán.

3.3 Rủi ro lạm phát

Lạm phát là một trong những nhân tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và làm giảm hiệu quả của các khoản đầu tư của Quỹ. Ngoài ra, lạm phát tăng cao sẽ làm giảm giá trị đồng tiền, nếu tỷ lệ lạm phát cao hơn tỷ suất lợi nhuận của các khoản đầu tư thì lãi suất thực sẽ là số âm. Tuy nhiên, với

nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng nhà nước, cung tiền đang được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn và mức tăng CPI qua các năm luôn được kiểm soát tốt ở mức dưới 4%.

3.4 Rủi ro tính thanh khoản của thị trường

Một trong những yếu tố quan trọng của Quỹ là việc đầu tư và thoát khỏi thị trường đúng thời điểm. Vì thế tính thanh khoản của thị trường đóng vai trò quan trọng đến lợi nhuận của Quỹ. Tính thanh khoản của thị trường chứng khoán Việt Nam đang dần được cải thiện.

3.5 Rủi ro pháp lý

Thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn non trẻ và vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Do quy mô thị trường còn nhỏ và còn nhiều hạn chế về mặt kỹ thuật, nhà nước vẫn đang điều hành theo hướng cải thiện dần dần sự vận hành của thị trường. Chắc chắn trong tương lai sẽ còn nhiều chính sách được đưa ra và những chính sách này có thể ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến hoạt động của quỹ. Do vậy, các vấn đề pháp lý cần phải được xem xét cẩn trọng để đảm bảo quyền lợi cho Nhà đầu tư vào quỹ.

3.6 Rủi ro tín nhiệm

Mức độ rủi ro tín nhiệm của trái phiếu được đánh giá dựa trên các yếu tố kinh tế và khả năng hoàn trả lãi và gốc trái phiếu của nhà phát hành. Rủi ro tín nhiệm được thể hiện qua hệ số tín nhiệm. Hệ số tín nhiệm do các công ty đánh giá tín nhiệm ấn định. Hệ số tín nhiệm càng cao thì trái phiếu được coi là càng an toàn.

3.7 Rủi ro xung đột lợi ích

Là rủi ro phát sinh từ những xung đột lợi ích giữa các Quỹ mà Công ty quản lý quỹ hiện đang quản lý hoặc các quỹ với chính Công ty quản lý quỹ hoặc giữa Quỹ và các sản phẩm tài chính khác của Công ty quản lý quỹ. Các xung đột này có thể dẫn đến sự có lợi hay bất lợi đối với mỗi một Quỹ. Để giảm thiểu những xung đột này, mỗi một Quỹ và Công ty quản lý quỹ sẽ có chế độ theo dõi hạch toán riêng và được giám sát chặt chẽ bởi Ban đại diện quỹ cũng như Ngân hàng giám sát của từng Quỹ. Công ty quản lý quỹ còn có Ban Kiểm soát tuân thủ chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ luật lệ của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát. Ngoài ra, Quỹ được kiểm toán độc lập soát xét bán niên và kiểm toán năm.

3.8 Rủi ro giảm sút giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ

Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán mà Quỹ đang đầu tư. Khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ quỹ trên thị trường. Rủi ro này được giảm thiểu với cơ chế chốt lỗ trước khi thị trường giảm quá sâu.

3.9 Rủi ro cá biệt

Rủi ro bắt nguồn từ các tin tức tiêu cực liên quan cụ thể đến một cổ phiếu hoặc một số cổ phiếu nằm trong danh mục đầu tư của Quỹ, từ đó ảnh hưởng đến thị giá cổ phiếu và NAV của Quỹ. Rủi ro này được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục.

3.10 Rủi ro khác

Các rủi ro liên quan đến thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...gây ảnh hưởng đến toàn nền kinh tế và thị trường chứng khoán, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty quản lý quỹ.

IX. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU

1. Căn cứ pháp lý:

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ 01/01/2021;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ 01/01/2021
- Các văn pháp luật khác có liên quan.

2. Phương án phát hành lần đầu

▪ Thông tin chung:

- Tên quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3
- Tên tiếng Anh: Thien Viet Growth Fund 3
- Tên viết tắt: TVGF3
- Loại hình: Quỹ đóng
- Thời hạn của quỹ: 5 năm. Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ và được sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư và UBCKNN.

▪ Mục tiêu, chiến lược đầu tư:

- Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng chiến lược đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững, tiềm năng tăng trưởng tốt, và đang được định giá hợp lý so với bình quân thị trường. Đối tượng đầu tư chủ yếu là cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết trên HSX, HNX và đăng ký giao dịch trên Upcom doanh nghiệp OTC sắp niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình của thị trường với mức rủi ro có thể chấp nhận được. Tùy thuộc tình hình thị trường, Quỹ có thể phân bổ một phần NAV vào tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi, trái phiếu Chính Phủ.

- Chiến lược đầu tư của quỹ:

Đầu tư vào những Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững

Những Doanh nghiệp mà Quỹ đầu tư phải tập trung khoảng 60% nguồn lực vào hoạt động kinh doanh chính, hoạt động ổn định với thị phần cao và sản phẩm có sức cạnh tranh lớn.

Đầu tư vào những doanh nghiệp có cơ hội tăng trưởng cao

Quỹ tìm cách đầu tư vào các doanh nghiệp còn năng lực sản xuất và có khả năng mở rộng thị phần, thị trường rộng lớn, luôn tìm kiếm cơ hội để phát triển thêm những sản phẩm và dịch vụ mới nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng cao.

Tìm kiếm những công ty có lợi thế cạnh tranh dài hạn

Lợi thế cạnh tranh là yếu tố quyết định khả năng công ty tồn tại trong môi trường chung khó khăn và phát triển mạnh khi nền kinh tế phục hồi. Doanh nghiệp có thể tổ chức hoạt động với chi phí thấp, có sản phẩm mang thương hiệu mạnh luôn là doanh nghiệp chiếm ưu thế trong môi trường cạnh tranh khốc liệt.

Tập trung vào công ty với đội ngũ lãnh đạo nhiều kinh nghiệm và minh bạch

Kinh nghiệm và tố chất của ban lãnh đạo là yếu tố quan trọng hàng đầu khi lựa chọn đầu tư vào doanh nghiệp niêm yết. Kinh nghiệm dày dặn trong thương trường, rõ ràng trong tổ chức kinh doanh và công bố thông tin rõ ràng đóng góp nhiều vào sự tăng trưởng lợi nhuận và thu hút đầu tư.

▪ Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư:

- Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm;
- Các lĩnh vực đầu tư cụ thể: Quỹ sẽ tìm cách phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng, tập trung vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng cao hoặc trong lĩnh vực có tính phòng thủ bao gồm nhưng không giới hạn như sau:
 - Dược phẩm & chăm sóc sức khỏe
 - Nông nghiệp
 - Thủy sản
 - Bất động sản & cơ sở hạ tầng
 - Dịch vụ xây dựng
 - Vật liệu xây dựng
 - Hàng tiêu dùng
 - Dịch vụ tài chính (bảo hiểm, chứng khoán ...)
 - Năng lượng
 - Công nghiệp
 - Giao thông vận tải & kho vận hậu cần
 - Công nghệ thông tin/Viễn thông
 - Ngân hàng

▪ Các sản phẩm dự kiến đầu tư:

- a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng;
- e) Trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều này tại các ngân hàng thương mại đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư và các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán

▪ Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư:

- Quy trình đầu tư và kiểm soát rủi ro đầu tư của Quỹ được tóm tắt như sau:
- Nghiên cứu và tìm kiếm cơ hội đầu tư

Quỹ sẽ tiến hành cả hai phương pháp phân tích từ trên xuống và từ dưới lên để tìm kiếm những cơ hội đầu tư tiềm năng.

- + Phương pháp tiếp cận từ trên xuống bắt đầu bằng việc xác định các lĩnh vực hấp dẫn, tiếp theo là tìm công ty tiềm năng hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực đó. Cách tiếp cận từ trên xuống cố gắng để hiểu được cấu trúc ngành và hoạt động kinh doanh tổng thể cũng như những thay đổi kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng đáng kể sự phát triển của ngành.
- + Phương pháp tiếp cận từ dưới lên bắt đầu bằng cách xác định các công ty hấp dẫn thông qua cơ sở dữ liệu của công ty dựa trên một số chỉ tiêu hiệu quả tài chính quan trọng như tăng trưởng lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, định giá so với các công ty cùng ngành.
- + Việc tiếp cận với các chuyên gia trong ngành, các đối tác thương mại, các khách hàng chính, và các đối thủ cạnh tranh giúp đưa ra nhiều thông tin quan trọng hỗ trợ cho việc lựa chọn doanh nghiệp để đầu tư.
- + Công ty cũng có ý định tìm kiếm các cơ hội đầu tư tốt thông qua các nguồn thông tin khác nhau từ các báo cáo phân tích của các công ty chứng khoán và các tổ chức không liên quan với các công ty mục tiêu đang cần được đầu tư và các đối tác chiến lược đáng tin cậy.

- Điều nghiên/khuyến nghị đầu tư

Sau đánh giá ban đầu của Giám đốc đầu tư, những khoản đầu tư đáp ứng được điều kiện của Quỹ sẽ được xem là khoản đầu tư mục tiêu và sau đó sẽ được nghiên cứu chuyên sâu. Công ty quản lý Quỹ thường chú ý đến những yếu tố sau:

- + Phân tích các yếu tố kinh tế và xã hội có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và tỷ lệ lợi nhuận của những công ty mục tiêu;
- + Đánh giá thị trường hoạt động chủ yếu của công ty mục tiêu;
- + Nghiên cứu, đánh giá đội ngũ quản lý của công ty mục tiêu;
- + Phân tích các kế hoạch kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong quá khứ của công ty mục tiêu, bao gồm đánh giá về sản phẩm, sự khác biệt, đối thủ cạnh tranh, và mô hình hoạt động kinh doanh;
- + So sánh với các đối thủ trong và ngoài nước về mặt định giá và tỷ lệ lợi nhuận;
- + Đánh giá các yếu tố pháp lý, luật và thuế;
- + Phân tích SWOT về công ty.
- + Xác định các yếu tố rủi ro cụ thể và cách khắc phục hoặc giảm thiểu rủi ro đó;
- + Xây dựng một chiến lược thoái vốn và thời gian để thoái vốn thành công.

- Phê duyệt đầu tư

Hội đồng đầu tư và Ban điều hành Quỹ đã xây dựng cơ chế phân quyền phê duyệt đầu tư theo hạn mức cũng như cơ chế báo cáo giám sát và chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư.

- Giám sát các khoản đầu tư

Sau mỗi quyết định đầu tư, Ban điều hành Quỹ sẽ giám sát tình hình kinh doanh của mỗi doanh nghiệp trong danh mục đầu tư thông qua các cuộc họp định kỳ với ban lãnh đạo, kiểm tra báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, đánh giá báo cáo tháng và báo cáo quản trị doanh nghiệp, và phát triển mối quan hệ với tư cách là cổ đông của công ty được đầu tư để có thể tư vấn cho họ. Giám đốc đầu tư có trách nhiệm báo cáo kết quả định kỳ những thông tin mới từ các công ty trong danh mục cho Hội đồng đầu tư. Trong quá trình giám sát các công ty trong danh mục đầu tư, Giám đốc đầu tư sẽ thường xuyên xem xét và báo cáo Hội đồng đầu tư về kế hoạch để thoái vốn các khoản đầu tư này. Ngoài ra, Bộ phận kiểm toán nội bộ có chương trình định kỳ kiểm

tra tính tuân thủ chính sách và quy trình đầu tư và báo cáo kết quả kiểm tra cho Hội đồng đầu tư và Hội đồng quản trị

- Thoái vốn các khoản đầu tư

Ban điều hành Quỹ sẽ thoái vốn từng khoản đầu tư riêng lẻ nếu việc thoái vốn là có lợi nhất cho Quỹ, tốt nhất là trong vòng 1 - 3 năm. Việc thực hiện thoái vốn có thể xảy ra thông qua việc bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán niêm yết hay thị trường OTC. Ngoài ra, Công ty có thể thực hiện thoái vốn thông qua những phương án khác như là bán lại cho bên thứ ba (tổ chức, doanh nghiệp, hoặc cá nhân), cho các đối tác liên doanh hoặc đối tác hợp tác đầu tư ở công ty đó, và chào bán công khai ra thị trường.

- Kiểm soát rủi ro

- + Hội đồng đầu tư và Ban điều hành Quỹ sẽ quan sát chặt chẽ những thay đổi về kinh tế vĩ mô và yếu tố xã hội để đưa ra những chiến lược đầu tư thích hợp, nhằm có được tỷ lệ phân bổ giữa tiền mặt và cổ phiếu hợp lý để tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro, đặc biệt là trong những vấn đề kinh tế và chính trị.
- + Giám đốc đầu tư phải báo cáo, giải thích và đề nghị "Giữ" hay "Cắt lỗ" cho Hội đồng đầu tư trong các trường hợp:
- + Giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư giảm hơn 15% so với giá trị tại thời điểm đầu năm tài chính.
- + Giá cổ phiếu của mỗi công ty trong danh mục đầu tư giảm hơn 20% so với giá mua trung bình (trong năm đầu tiên) hoặc giá trị tại thời điểm đầu năm tài chính (từ năm thứ hai trở đi).

▪ **Cơ cấu đầu tư:**

TVGF3 sẽ đầu tư vào các tài sản quỹ được phép đầu tư theo luật định và điều lệ Quỹ với cơ cấu danh mục chính là cổ phiếu. Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hay tăng trưởng tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư sẵn có từng thời điểm nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho danh mục của Quỹ. Khi công ty quản lý quỹ nhận định điều kiện thị trường chung có nhiều triển vọng khả quan, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có thể đến 100% cổ phiếu. Ngược lại, khi nhận định điều kiện thị trường có nhiều khả năng bất lợi, tỉ trọng tiền mặt và các tài sản mang thu nhập cố định có thể chiếm trên 90% giá trị tài sản ròng của Quỹ.

▪ **Số lượng chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán:**

Số lượng chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 40.000.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng chứng chỉ quỹ chào bán tối thiểu là 10.000.000 chứng chỉ quỹ.

Mệnh giá là 10.000 đồng/Chứng chỉ quỹ.

▪ **Thời hạn chào bán, gia hạn thời gian chào bán:**

Tối thiểu là 20 ngày và tối đa 90 ngày kể từ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực. Thời gian phân phối chứng chỉ quỹ sẽ được nêu chi tiết trong Thông báo phát hành sau khi Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

▪ **Mệnh giá:** 10.000 đồng/chứng chỉ quỹ

▪ **Giá phát hành:** 10.100 đồng/chứng chỉ quỹ (đã bao gồm giá dịch vụ phát hành).

▪ **Giá dịch vụ phát hành lần đầu:** 1% mệnh giá /1 chứng chỉ quỹ tương đương 100 (một trăm đồng)

▪ **Đơn vị tiền tệ:** Việt Nam đồng

▪ **Số lượng đăng ký tối thiểu:** 100 (Một trăm) chứng chỉ quỹ

▪ **Phương thức phân bổ chứng chỉ quỹ lần đầu:**

[Tổng số tiền đầu tư ban đầu - Giá dịch vụ phát hành lần đầu (1% mệnh giá)] / Mệnh giá (10.000 đồng)

Chúng chỉ quỹ được phân phối một cách công bằng, công khai trong thời hạn phát hành và tuân thủ các quy định của pháp luật về giới hạn quyền sở hữu. Trường hợp số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký mua vượt quá số lượng chứng chỉ quỹ tối đa đăng ký chào bán, Công ty quản lý quỹ phải phân phối hết số chứng chỉ quỹ được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.

▪ **Thời hạn xác nhận giao dịch của nhà đầu tư:**

Công ty quản lý quỹ sẽ xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư, lập và lưu trữ Sổ đăng ký nhà đầu tư trong vòng năm (5) ngày làm việc sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ có hiệu lực.

▪ **Phương thức và hình thức thanh toán:**

Nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát.

▪ **Ngày giao dịch gần nhất dự kiến sau khi kết thúc phát hành lần đầu:** dự kiến trong quý 3/2021

▪ **Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối:**

- **Đại diện phát hành:**

- o Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt
- o Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, Tp. HCM
- o Điện thoại: 028.6299 2090 Fax: 028.6299 2103

- **Đại lý phân phối:**

- o Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt
- o Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, Tp. HCM
- o Điện thoại: 028.6299 2090 Fax: 028.6299 2103

▪ **Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành bao gồm:**

- Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (TVAM)
- Đại diện phát hành: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (TVAM)
- Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng BIDV – CN Hà Thành
- Công ty kiểm toán dự kiến: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

3. Thời điểm và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

3.1 Tần suất xác định giá trị tài sản ròng

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần và được tính toán theo dữ kiện của ngày trước ngày định giá. Ngày định giá hàng tuần là ngày Thứ Sáu. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trường hợp Công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì Công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện.
- Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ của quỹ đóng định kỳ tối thiểu một lần trong một tuần với sự xác nhận của Ngân hàng giám sát. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.
- Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

3.2 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- a. Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường. Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào quỹ.
- b. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.
- c. Việc xác định Giá trị Tài Sản Ròng của Quỹ thực hiện theo các nguyên tắc sau:

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|---|---|---|
| Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | |
| 1. | Tiền (VND) | Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá |
| 2. | Ngoại tệ | Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá |
| 3. | Tiền gửi kỳ hạn | Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá |
| 4. | Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác | Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá |
| 5. | Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác | Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán quy định và thời gian nắm giữ công cụ. |
| Trái phiếu | | |
| 6. | Trái phiếu niêm yết | - Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. |

| | | |
|-----------------|--|---|
| 7. | Trái phiếu không niêm yết | <ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. |
| Cổ phiếu | | |
| 8. | Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán | <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. |
| 9. | Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom | <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. |
| 10. | Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch | <ul style="list-style-type: none"> Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận |
| 11. | Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản | <ul style="list-style-type: none"> Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. |
| 12. | Cổ phần, phần vốn góp khác | <p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. <p>Đối với cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch giá thị trường sẽ là giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> |



| | | |
|-------------------------|-----------------------------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| Các tài sản khác | | |
| 13. | Các tài sản được phép đầu tư khác | Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện Quỹ chấp thuận. |

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;*
- *Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.*
- *Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.*
- *Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;*
- *Ngày được hiểu là ngày theo lịch.*

3.3 Công bố giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được công bố mỗi tuần một lần trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá.

4. Niêm yết, hủy niêm yết chứng chỉ quỹ

4.1 Niêm yết chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ Quỹ sẽ được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ phải thực hiện các thủ tục, hoàn tất hồ sơ và niêm yết Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật.

4.2 Hủy niêm yết chứng chỉ quỹ

▪ **Hủy bỏ niêm yết bắt buộc:**

Chứng chỉ quỹ đóng bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Quỹ đóng không còn đáp ứng điều kiện có ít nhất 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- b) Chứng chỉ quỹ không có giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 12 tháng;
- c) Chứng chỉ quỹ không đưa vào giao dịch trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận đăng ký niêm yết;
- d) Quỹ đầu tư chứng khoán bị giải thể hoặc chấm dứt sự tồn tại do bị hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của quỹ, Đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán;
- e) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán phát hiện tổ chức niêm yết giả mạo hồ sơ niêm yết;

f) Quỹ đầu tư chứng khoán vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ công bố thông tin hoặc các trường hợp khác mà Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy cần thiết phải hủy niêm yết nhằm bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.

▪ **Hủy bỏ niêm yết tự nguyện:**

Điều kiện được hủy bỏ niêm yết chứng chỉ quỹ tự nguyện:

a) Quyết định hủy bỏ niêm yết tự nguyện được Đại hội nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định pháp luật doanh nghiệp, quy định tại Điều lệ Q

ũy đầu tư chứng khoán, trong đó phải được trên 50% số phiếu biểu quyết của các cổ đông không phải là cổ đông lớn thông qua;

b) Việc hủy bỏ niêm yết tự nguyện chỉ được thực hiện sau tối thiểu 02 năm kể từ ngày có Quyết định chấp thuận niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

5. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ đầu tư

Phụ lục I đính kèm Bản cáo bạch

X. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính được báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, bán niên, năm theo quy định của pháp luật.

2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ

3. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động

3.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ

a. Giá dịch vụ quản lý

Giá dịch vụ quản lý được thanh toán cho Công ty quản lý quỹ bao gồm:

a.1 Giá dịch vụ quản lý thường niên:

Giá dịch vụ quản lý là 1%/năm và được tính hằng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của danh mục (NAV) tại thời điểm đầu mỗi tháng

Công ty quản lý quỹ sẽ yêu cầu ngân hàng lưu ký trích thu giá dịch vụ quản lý phát sinh khi đến hạn.

a.2 Thưởng: Công ty Quản lý quỹ được hưởng mức thưởng như sau:

Thưởng hoạt động chỉ được trả cho Công ty quản lý quỹ Thiên Việt một lần vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm tài chính nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của quỹ TVGF3 cao hơn chỉ số căn bản ở mức 8% trong năm tài chính.

Khoản thưởng hoạt động mà công ty quản lý quỹ Thiên Việt sẽ nhận được bằng 20% của phần vượt trội L_i (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

$$\text{Tiền thưởng} = 20\% \times L_i$$

$$L_i = V_i + \text{cổ tức đã trả trong năm} - [V_{i-1} \times (100\% + 8\%) + N_i \times (100\% + 8\% \times d/365)]$$

L_i : khoản lợi nhuận vượt trội để tính thưởng hoạt động hằng năm

V_i : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i

V_{i-1} : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm $(i-1)$

N_i: số tiền thu được từ đợt phát hành trong năm i

d: số ngày tính từ thời điểm số vốn huy động mới được phép giải ngân đến ngày 31 tháng 12 của năm i

8%: chỉ số căn bản được cố định ở mức 8%

b. Giá dịch vụ giám sát, lưu ký

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký là mức giá được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát và được quy định cụ thể trong Hợp đồng giám sát giữa Công ty quản lý quỹ với Ngân hàng giám sát. Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được tính dựa trên NAV vào ngày định giá. Giá này không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v...

Biểu giá dịch vụ ngân hàng lưu ký, giám sát được thể hiện theo bảng dưới đây:

| Stt | Loại giá dịch vụ | Biểu giá dịch vụ | Min/Max | Ghi chú |
|-------|--|---|--|--|
| A.I | Giá dịch vụ lưu ký | 0.05% NAV/Năm | | Giá trị tài sản ròng (NAV) được xác định tại ngày định giá |
| A.II | Giá dịch vụ Giám sát | 0.01% NAV/Năm | | Giá trị tài sản ròng (NAV) được xác định tại ngày định giá |
| A.III | Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ | | | |
| A.3.1 | Đối với giao dịch cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch | 0.03%/giá trị giao dịch | Max: 10,000,000 đồng/ngày GD | BIDV thu tại Ngày thanh toán giao dịch phát sinh |
| A.3.2 | Đối với giao dịch trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch | 0.0075%/giá trị giao dịch | Max: 5,000,000 đồng/ngày GD | |
| A.3.3 | Đối với các giao dịch mua bán CK OTC và các tài sản khác | Miễn phí | | |
| A.IV | Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3) | | | |
| A.4.1 | Giá dịch vụ lưu ký | 0.3 đồng/cổ phiếu, CCQ/ tháng; 0.2 đồng/trái phiếu/tháng. | Max 2.000.000 đồng/mã trái phiếu/tháng | Giá dịch vụ lưu ký và chuyển khoản áp dụng theo biểu giá dịch vụ Bộ Tài Chính quy định trong từng thời kỳ. Khi BTC thay đổi biểu giá dịch vụ thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng |
| A.4.2 | Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch | 0,5 đồng/CK/1 lần chuyển khoản/1 mã | Max 500,000 đồng/lần/mã CK | |
| A.4.3 | Các khoản giá dịch vụ VSD thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ | Theo mức phát sinh cụ thể | | |

Ghi chú: Biểu giá dịch vụ trên chưa bao gồm phí chuyển tiền và VAT (nếu có)

Quỹ đầu tư sẽ thanh toán cho Ngân hàng giám sát đối với dịch vụ đăng ký và thanh toán quyền lợi của nhà đầu tư như: đăng ký và xác nhận sở hữu, lưu ký chứng chỉ quỹ, duy trì và cập nhật thông tin của nhà đầu tư vào Sổ đăng ký Nhà đầu tư, thực hiện các báo cáo xác nhận và đối chiếu danh sách nhà đầu tư với Trung tâm Lưu ký chứng khoán, thanh toán cổ tức cho nhà đầu tư. Mức giá và phương pháp thanh toán được quy định tại Hợp đồng Giám sát.

c. Các loại giá dịch vụ khác

Các loại giá dịch vụ, chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật, có thể bao gồm:

- Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;
- Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
- Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
- Chi phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
- Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành bản cáo bạch khi phát hành chứng chỉ quỹ;
- Thù lao/thưởng cho Ban đại diện Quỹ;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

4.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ: được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ} \times 365 \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó: Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm của Quỹ là tổng giá trị tài sản ròng Quỹ tính tại các ngày định giá chia cho số ngày định giá chứng chỉ quỹ trong năm; Tổng giá trị mua vào và tổng giá trị bán ra trong kỳ là tổng giá trị mua/bán cho hoạt động đầu tư của Quỹ.

4.2 Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ: được xác định theo công thức sau:

$$\begin{aligned} &\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} \\ &= \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}} \end{aligned}$$

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

Tốc độ vòng quay danh mục (%)

$$= \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 365 \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động}}$$

(tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)

Trong đó: Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm của Quỹ là tổng giá trị tài sản ròng Quỹ tính tại các ngày định giá chia cho số ngày định giá chứng chỉ quỹ trong năm; Tổng giá trị mua vào và tổng giá trị bán ra trong kỳ là tổng giá trị mua/bán cho hoạt động đầu tư của Quỹ.

5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của quỹ

- a. Lợi tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua.
- b. Lợi tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện trong kỳ là số dương hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (nếu có) theo quy định tại điều lệ Quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- c. Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- d. Lợi tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- e. Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà đầu tư một mức lợi tức nhất định mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ cho phép sau khi đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua mức lợi tức hàng năm.
- f. Chỉ những Nhà đầu tư được ghi trong danh sách Nhà đầu tư tại ngày chốt quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp mới được nhận lợi tức quỹ.

6. Dự báo kết quả hoạt động của quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán nêu trong Bản Cáo Bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của quỹ

Báo cáo hoạt động Quỹ được thực hiện như sau:

- Đối với báo cáo NAV: được công bố sau một (01) ngày làm việc kể từ ngày định giá;
- Đối với các báo cáo hoạt động Quỹ sẽ được thực hiện định kỳ báo cáo tháng, quý và năm theo quy định của Luật.
- Báo cáo sẽ được cung cấp tại Công ty quản lý quỹ hoặc trên địa chỉ website của công ty: www.tvam.vn
- Địa chỉ cung cấp báo cáo:
 - o Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt
 - o Địa chỉ: Lầu 9, tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 - o Số điện thoại: 028. 6299 2090 fax: 028. 6299 2103

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 06 năm 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN THANH THẢO

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2021
ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH HÀ THÀNH



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Thu Cúc

PHỤ LỤC I: QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

Chứng chỉ Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3 được phân phối cho các nhà đầu tư tại Công ty Quản lý quỹ Thiên Việt.

Nhà đầu tư sau khi tìm hiểu thông tin về Quỹ mong muốn mua Chứng chỉ quỹ, vui lòng thực hiện theo các bước sau:

1. Điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký mua chứng chỉ quỹ;
2. Nộp Phiếu đăng ký cùng với các giấy tờ sau của nhà đầu tư cho Đại diện phát hành hoặc Tổ chức đại lý phân phối:
 - a. Đối với nhà đầu tư cá nhân: Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực của nhà đầu tư.
 - b. Đối với nhà đầu tư tổ chức:
 - i. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép/Quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương;
 - ii. Bản sao Quyết định bổ nhiệm/ủy quyền hoặc văn bản đăng ký người đại diện hợp pháp của tổ chức hoặc giấy tờ khác tương đương;
 - iii. Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực của người đại diện hợp pháp của Tổ chức.
3. Nhà đầu tư nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào Tài khoản phong tỏa của Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3 mở tại Ngân hàng giám sát BIDV chi nhánh Hà Thành theo chỉ dẫn:
 - Tên tài khoản: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3
 - Số tài khoản:
 - Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
 - Nội dung chuyển tiền: [Tên nhà đầu tư]_[Số CMT]_đăng ký mua_ThienVietGrowthFund3_Phát hành lần đầu

Lưu ý đối với Nhà đầu tư nước ngoài:

Nhà đầu tư nước ngoài, ngoài việc thực hiện các bước đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ nêu trên, nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và hoạt động kinh doanh chứng khoán áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

PHỤ LỤC II: PHIẾU ĐĂNG KÝ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

**PHIẾU ĐĂNG KÝ MUA
CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3 (TVGF3)**

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

1. Tên Cá nhân:
 - 1.1 Số CMND/Passport: Ngày cấp: Nơi cấp:
 - 1.2 Địa chỉ thường trú:
 - 1.3 Số điện thoại: Fax:
 - 1.4 Email:
2. Số lượng đăng ký mua: chứng chỉ quỹ
 - 2.1 Mệnh giá/ chứng chỉ quỹ: 10.000 đồng
 - 2.2 Giá mua/chứng chỉ quỹ: 10.100 đồng
 - 2.3 Tổng số tiền mua:
 - 2.4 Bằng chữ:
 - 2.5 Thời gian nộp tiền:
 - 2.6 Nguồn vốn mua chứng chỉ quỹ:
3. Cam kết: Sau khi nghiên cứu Bản cáo bạch và dự thảo Điều lệ của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:
 - 3.1 Mua đủ số chứng chỉ quỹ đã đăng ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua chứng chỉ quỹ.
 - 3.2 Chấp thuận các nội dung của Bản cáo bạch của Quỹ.
 - 3.3 Tuân thủ đầy đủ các quy định trong điều lệ và quy định của pháp luật liên quan đến việc mua chứng chỉ quỹ.

....., ngày.....tháng.....năm 2021

*Cá nhân/ Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)*

**PHIẾU ĐĂNG KÝ MUA
CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 3 (TVGF3)**

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

1. Tên Tổ chức:
 - 1.1 Số Giấy ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:
 - 1.2 Địa chỉ:
 - 1.3 Số điện thoại: Fax:
2. Người đại diện (Tổ chức):
 - 2.1 Họ và tên:
 - 2.2 Chức vụ:
 - 2.3 Số CMND/ Passport: Ngày cấp: Nơi cấp:
 - 2.4 Quốc tịch:
 - 2.5 Địa chỉ thường trú:
3. Người được cử làm đại diện phần vốn góp vào Quỹ:
 - 3.1 Họ và tên:
 - 3.2 Chức vụ:
 - 3.3 Số CMND/ Passport: Ngày cấp: Nơi cấp:
 - 3.4 Quốc tịch:
 - 3.5 Địa chỉ thường trú:
4. Số lượng đăng ký mua: chứng chỉ quỹ
 - 4.1 Mệnh giá/ chứng chỉ quỹ: 10.000 đồng
 - 4.2 Giá mua/chứng chỉ quỹ: 10.100 đồng
 - 4.3 Tổng số tiền mua:
 - 4.4 Bằng chữ:
 - 4.5 Thời gian nộp tiền:
 - 4.6 Nguồn vốn mua chứng chỉ quỹ:
5. Cam kết: Sau khi nghiên cứu Bản cáo bạch và dự thảo Điều lệ của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:
 - 5.1 Mua đủ số chứng chỉ quỹ đã đăng ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua chứng chỉ quỹ.
 - 5.2 Chấp thuận các nội dung của Bản cáo bạch của Quỹ.
 - 5.3 Tuân thủ đầy đủ các quy định trong điều lệ và quy định của pháp luật liên quan đến việc mua chứng chỉ quỹ.

....., ngày ... tháng ... năm 2021
*Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)*

PHỤ LỤC III: ĐỊA CHỈ CÁC NƠI CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt

Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: 028.6299 2090

Fax: 028.6299 2103

Website: www.tvam.vn

Email: info@tvam.vn

PHỤ LỤC IV: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ

Tóm tắt Điều lệ Quỹ với các thông tin chính sau đây:

1. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1.1. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

- Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3 là một quỹ đại chúng dạng đóng, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của pháp luật có liên quan.
- Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ không có nghĩa vụ phải mua lại Chứng chỉ Quỹ đã được phát hành cho nhà đầu tư.
- Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
- Ban đại diện Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty quản lý quỹ.
- Công ty quản lý quỹ do Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với Chứng chỉ Quỹ là 49% vốn điều lệ Quỹ.

1.2. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

- Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là: 400.000.000.000 (bốn trăm tỷ) đồng và tối thiểu 100.000.000.000 (một trăm tỷ) đồng. Số vốn này được chia thành 40.000.000 (bốn mươi triệu) Chứng chỉ Quỹ và tối thiểu 10.000.000 (mười triệu) chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của mỗi Chứng chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
- Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng giám sát.
- Số lượng chứng chỉ quỹ được phép lưu hành tối đa là 40.000.000 (bốn mươi triệu) chứng chỉ quỹ
- Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng chỉ quỹ huy động tối đa phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ

2.1. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng chiến lược đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững, tiềm năng tăng trưởng tốt, và đang được định giá hợp lý so với bình quân thị trường. Đối tượng đầu tư chủ yếu là cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết trên HSX, HNX và đăng ký giao dịch trên Upcom doanh nghiệp OTC sắp niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình của thị trường với mức rủi ro có thể chấp nhận được. Tùy thuộc tình hình thị trường, Quỹ có thể phân bổ một phần NAV vào tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi, trái phiếu Chính Phủ.

2.2. Chiến lược đầu tư

- **Đầu tư vào những Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững**
Những Doanh nghiệp mà Quỹ đầu tư phải tập trung khoảng 60% nguồn lực vào hoạt động kinh doanh chính, hoạt động ổn định với thị phần cao và sản phẩm có sức cạnh tranh lớn.
- **Đầu tư vào những doanh nghiệp có cơ hội tăng trưởng cao**
Quỹ tìm cách đầu tư vào các doanh nghiệp còn năng lực sản xuất và có khả năng mở rộng thị phần, thị trường rộng lớn, luôn tìm kiếm cơ hội để phát triển thêm những sản phẩm và dịch vụ mới nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng cao.

▪ **Tìm kiếm những công ty có lợi thế cạnh tranh dài hạn**

Lợi thế cạnh tranh là yếu tố quyết định khả năng công ty tồn tại trong môi trường chung khó khăn và phát triển mạnh khi nền kinh tế phục hồi. Doanh nghiệp có thể tổ chức hoạt động với chi phí thấp, có sản phẩm mang thương hiệu mạnh luôn là doanh nghiệp chiếm ưu thế trong môi trường cạnh tranh khốc liệt.

▪ **Tập trung vào công ty với đội ngũ lãnh đạo nhiều kinh nghiệm và minh bạch**

Kinh nghiệm và tố chất của ban lãnh đạo là yếu tố quan trọng hàng đầu khi lựa chọn đầu tư vào doanh nghiệp niêm yết. Kinh nghiệm dày dặn trong thương trường, rõ ràng trong tổ chức kinh doanh và công bố thông tin rõ ràng đóng góp nhiều vào sự tăng trưởng lợi nhuận và thu hút đầu tư. Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư: tất cả các lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với quy định của pháp luật và mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

2.3. Tài sản được phép đầu tư

- a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng;
- e) Trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

2.4. Cơ cấu đầu tư

TVGF3 sẽ đầu tư vào các tài sản quỹ được phép đầu tư theo luật định và điều lệ Quỹ với cơ cấu danh mục chính là cổ phiếu. Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hay tăng trưởng tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư sẵn có từng thời điểm nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho danh mục của Quỹ. Khi công ty quản lý quỹ nhận định điều kiện thị trường chung có nhiều triển vọng khả quan, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có thể đến 100% là cổ phiếu. Ngược lại, khi nhận định điều kiện thị trường có nhiều khả năng bất lợi, tỉ trọng tiền mặt và các tài sản mang thu nhập cố định có thể chiếm trên 90% giá trị tài sản ròng của Quỹ.

2.5. Các hạn chế đầu tư

Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:

- a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ.
- b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ của một tổ chức phát hành, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ.
- c) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại khoản e khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ;
- e) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ mình
- f) Chỉ được đầu tư vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ khác quản lý và đảm bảo:

- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

2.6. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

- Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 ngày.
- Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

2.7. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Sau đánh giá ban đầu của Giám đốc đầu tư, những khoản đầu tư đáp ứng được điều kiện của Quỹ sẽ được xem là khoản đầu tư mục tiêu và sau đó sẽ được nghiên cứu chuyên sâu. Công ty quản lý Quỹ thường chú ý đến những yếu tố sau:

- Phân tích các yếu tố kinh tế và xã hội có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và tỷ lệ lợi nhuận của những công ty mục tiêu;
- Đánh giá thị trường hoạt động chủ yếu của công ty mục tiêu;
- Nghiên cứu, đánh giá đội ngũ quản lý của công ty mục tiêu;
- Phân tích các kế hoạch kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong quá khứ của công ty mục tiêu, bao gồm đánh giá về sản phẩm, sự khác biệt, đối thủ cạnh tranh, và mô hình hoạt động kinh doanh;
- So sánh với các đối thủ trong ngành ở trong và ngoài nước về mặt định giá và tỷ suất lợi nhuận;
- Đánh giá các yếu tố pháp lý, luật và thuế;
- Phân tích SWOT về công ty.
- Xác định các yếu tố rủi ro cụ thể và cách khắc phục hoặc giảm thiểu rủi ro đó;
- Xây dựng một chiến lược thoái vốn và thời gian để thoái vốn thành công.

2.8. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

- Nguyên tắc:

Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

- Giá trị tài sản ròng được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và tại Điều lệ này;
- Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ trên cơ sở các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công;
- Các khoản mục tài sản cần định giá, bao gồm chứng khoán, tiền và các khoản đầu tư khác, phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các chỉ tiêu chưa thống nhất phải được xử lý kịp thời;
- Giá chứng khoán chưa niêm yết phải được thường xuyên cập nhật, theo nguyên tắc thận trọng, phù hợp với mức độ thanh khoản của thị trường (có tính tới mức giá của các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công với khối lượng giao dịch tương đương);

- Cổ tức, quyền mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, trái tức và các lợi ích vật chất khác thuộc về quyền sở hữu phải được hạch toán vào tài sản của Quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);
 - Những khoản chi phí, lãi tiền gửi, trái tức và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến thời điểm định giá theo một tỷ lệ lãi suất phù hợp;
 - Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;
 - Trường hợp mức độ thanh khoản của thị trường bị hạn chế, cần xác lập các mức dao động giá hợp lý, tùy thuộc vào biến động của thị trường khi định giá;
 - Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ;
 - Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.
- Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng
 - Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần và được tính toán theo dữ kiện của ngày giao dịch ngay trước Ngày định giá. Ngày định giá hàng tuần là ngày Thứ Sáu. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trường hợp Công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì Công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện.
 - Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ của quỹ đóng định kỳ tối thiểu một lần trong một tuần với sự xác nhận của Ngân hàng giám sát. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.
 - Trường hợp bị định giá sai, trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện ra sự việc, Ngân hàng giám sát hoặc Công ty quản lý quỹ (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát kịp thời điều chỉnh.
 - Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát (trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định pháp luật, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.
 - Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng
 - Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào quỹ.
 - Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành.
 - Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ thực hiện theo các nguyên tắc sau:

Giá trị tài sản tài chính:

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|---|---|--|
| Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | |
| 1. | Tiền (VND) | Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá |
| 2. | Ngoại tệ | Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá |
| 3. | Tiền gửi kỳ hạn | Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá |
| 4. | Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu | Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá |
| 5. | Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác | Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán quy định và thời gian nắm giữ công cụ. |
| Trái phiếu | | |
| 6. | Trái phiếu niêm yết | <ul style="list-style-type: none"> - Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. |
| 7. | Trái phiếu không niêm yết | <ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. |
| Cổ phiếu | | |
| 8. | Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán | <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc |

| | | |
|-------------------------|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. |
| 9. | Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom | <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. |
| 10. | Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch | <p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận |
| 11. | Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản | <p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. |
| 12. | Cổ phần, phần vốn góp khác | <p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. <p>Đối với cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch giá thị trường sẽ là giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| Các tài sản khác | | |
| 13. | Các tài sản được phép đầu tư khác | Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận. |

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;*
- *Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.*
- *Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.*
- *Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;*
- *Ngày được hiểu là ngày theo lịch.*

3. ĐẶC TRƯNG CỦA CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ

3.1. Nhà đầu tư

- Nhà đầu tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là một (01) Chứng chỉ Quỹ trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
- Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.
- Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo mức tối đa theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan từng thời kỳ.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

- Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;
 - b) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - c) Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
 - d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
 - e) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
 - g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.
- Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
 - a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;

- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - c) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời Nhà đầu tư;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
 - e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.
- Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ.

3.3. Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ

- Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý Quỹ có trách nhiệm xác nhận quyền sở hữu cho nhà đầu tư với số lượng Chứng chỉ Quỹ đã mua, và lập sổ đăng ký nhà đầu tư với các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ; mã chứng khoán niêm yết của quỹ (nếu có);
 - Tổng số Chứng chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ;
 - Danh sách nhà đầu tư: họ tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán.
 - Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.
- Thông tin về Nhà đầu tư tại sổ đăng ký nhà đầu tư là căn cứ để chứng thực quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư đó.
- Công ty quản lý quỹ thực hiện việc đăng ký, lưu ký Chứng chỉ Quỹ theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký chứng khoán.

3.4. Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập quỹ và quyền của nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ

- **Hợp nhất, sáp nhập Quỹ**
 - a) Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
 - b) Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- **Giải thể Quỹ**
 - a) Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
 - b) Việc giải thể Quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. THÔNG TIN VỀ CÁC MỨC GIÁ DỊCH VỤ MÀ QUỸ PHẢI TRẢ

4.1. Giá dịch vụ quản lý

Giá dịch vụ quản lý được thanh toán cho Công ty quản lý quỹ bao gồm:

- *Giá dịch vụ quản lý thường niên:*

| | | | | |
|-------------|--|---|--|--|
| A.3.2 | Đối với giao dịch trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch | 0.0075%/giá trị giao dịch | Max: 5,000,000 đồng/ngày GD | |
| A.3.3 | Đối với các giao dịch mua bán CK OTC và các tài sản khác | Miễn phí | | |
| A.IV | Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3) | | | |
| A.4.1 | Giá dịch vụ lưu ký | 0.3 đồng/cổ phiếu, CCQ/ tháng; 0.2 đồng/trái phiếu/tháng. | Max 2.000.000 đồng/mã trái phiếu/tháng | Giá dịch vụ lưu ký và chuyển khoản áp dụng theo biểu giá dịch vụ Bộ Tài Chính quy định trong từng thời kỳ. Khi BTC thay đổi biểu giá dịch vụ thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng |
| A.4.2 | Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch | 0,5 đồng/CK/1 lần chuyển khoản/1 mã | Max 500,000 đồng/lần/mã CK | |
| A.4.3 | Các khoản giá dịch vụ VSD thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ | Theo mức phát sinh cụ thể | | |

Ghi chú: Biểu giá dịch vụ trên chưa bao gồm phí chuyển tiền và VAT (nếu có)

Quỹ đầu tư sẽ thanh toán cho Ngân hàng giám sát đối với dịch vụ đăng ký và thanh toán quyền lợi của nhà đầu tư như: đăng ký và xác nhận sở hữu, lưu ký chứng chỉ quỹ, duy trì và cập nhật thông tin của nhà đầu tư vào Sổ đăng ký Nhà đầu tư, thực hiện các báo cáo xác nhận và đối chiếu danh sách nhà đầu tư với Trung tâm Lưu ký chứng khoán, thanh toán cổ tức cho nhà đầu tư. Mức giá và phương pháp thanh toán được quy định tại Hợp đồng Giám sát.

4.3. Các loại giá dịch vụ khác

Các loại giá dịch vụ, chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật, có thể bao gồm:

- Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;
- Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
- Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
- Chi phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
- Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành bản cáo bạch khi phát hành chứng chỉ quỹ;
- Thù lao/thưởng cho Ban đại diện Quỹ;

- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định.

5. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- Lợi tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua.
- Lợi tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện trong kỳ là số dương hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Lợi tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà đầu tư một mức lợi tức nhất định mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ cho phép sau khi đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua mức lợi tức hàng năm.

6. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

6.1. Đại hội nhà đầu tư thường niên, bất thường

- Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
- Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
- **Đại hội nhà đầu tư thường niên:** được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật về doanh nghiệp.

Đại hội nhà đầu tư bất thường:

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
- Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Điều lệ Quỹ;
- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định trong thời hạn này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc Ngân hàng giám sát thay thế Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.

6.2. Quyền hạn và nhiệm vụ Đại hội nhà đầu tư

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát;
- Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay thế công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
- Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;
- Phương án phân phối lợi tức;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của quỹ;
- Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
- Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

6.3. Thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư

- Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
- Đại hội nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 20 Điều lệ Quỹ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.
- Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
- Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải được quy định tại khoản 7 điều 22 Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư.
- Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
- Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

7. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

7.1. Ban đại diện quỹ

- Ban đại diện quỹ bao gồm bốn (04) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản.
- Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:
 - a) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;
 - b) Đáp ứng các quy định khác tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.
- Trong Ban đại diện quỹ phải có:
 - a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
 - b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật;

7.2. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

- Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ là năm (05) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội nhà đầu tư tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ: thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b) Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - c) Có trình độ chuyên môn về quản lý kinh tế, tài chính và/hoặc pháp luật.
- Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
 - a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án trong hoặc ngoài nước hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;
 - b) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, bị kết án về các tội danh trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm mà chưa được xóa án tích, trong hoặc ngoài nước; người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên trong hoặc ngoài nước;
 - c) Là các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
 - d) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban kiểm soát của doanh nghiệp, chủ nhiệm và các thành viên ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
 - e) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
 - f) Người đã từng bị đình chỉ chức danh chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của pháp luật chuyên ngành, hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức đó bị thu hồi giấy phép;
 - g) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

- h) Là thành viên của trên năm (05) ban đại diện quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- i) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;
- j) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật liên quan.

7.3. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

- Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.
- Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các tổ chức tín dụng; chấp thuận các giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Điều lệ Quỹ.
- Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ Quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
- Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát.
- Chấp thuận các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), cụ thể:
 - a) Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi Công ty quản lý quỹ thực hiện giao dịch.
 - b) Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban đại diện quỹ xem xét, quyết định.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

7.4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ

- Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều lệ quỹ.
- Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

7.5. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

- Đại hội nhà đầu tư bầu chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện quỹ, chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
- Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ.

7.6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ

Thành viên Ban đại diện quỹ không còn tư cách thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau:

- Trường hợp miễn nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ:
 - a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban đại diện quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Quỹ hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Ban đại diện quỹ;
 - b) Chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
 - c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ:
 - a) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Ban đại diện quỹ có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - b) Không tham dự các cuộc họp của Ban đại diện quỹ trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
 - d) Cung cấp thông tin cá nhân sai nghiêm trọng khi gửi cho Công Ty với tư cách là ứng viên HĐQT.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

7.7. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

- Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban đại diện quỹ.
- Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

7.8. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

- Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu 01 quý một lần hoặc theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ.
- Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước ít nhất hai (02) ngày làm việc.
- Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.
- Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều lệ Quỹ. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.

7.9. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ.

8. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

8.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;
- Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát;
- Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ;
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

8.2. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

▪ Nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

- a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ và bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;
- b) Công bằng, trung thực và vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư;
- c) Thực hiện việc đầu tư tài sản của quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
- d) Công ty quản lý quỹ quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các Nhà đầu tư ủy thác và các Quỹ khác do Công ty quản lý quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
- e) Đối với những giao dịch của Quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ;
- f) Bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của Công ty quản lý quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ;
- g) Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư do Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- h) Khi Công ty quản lý quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho quỹ thì thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc công ty, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho người thứ ba, ngoài khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ Quỹ;
- i) Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
- j) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty quản lý quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ, Công ty quản lý phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản của quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do Công ty quản lý quỹ chịu;
- k) Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các cam kết như được quy định tại Điều lệ Quỹ.

▪ Quyền của công ty quản lý quỹ

- a) Được hưởng giá dịch vụ quản lý quỹ và thưởng được quy định trong Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật; Mức thưởng bảo đảm tuân thủ nguyên tắc sau:
 - Được tính trên cơ sở phân lợi nhuận hàng năm của quỹ vượt trội so với lợi nhuận tham chiếu được xác định dựa vào tỷ lệ tăng trưởng chỉ số thị trường, cơ cấu danh mục đầu tư và các chỉ tiêu khác quy định tại điều lệ Quỹ;
 - Phải tính giảm trừ, hoặc không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư tại các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp.
- b) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;

- c) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ;
- d) Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật;
- e) Được sửa các lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ mà không phải lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư. Sau khi sửa đổi, bổ sung điều lệ Quỹ, công ty quản lý quỹ phải thông báo cho nhà đầu tư biết về những nội dung sửa đổi, bổ sung;
- f) Được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

8.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

- Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với quỹ theo các quy định của điều lệ Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư;
 - c) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
 - d) Công ty quản lý quỹ hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác;
 - e) Quỹ hết thời gian hoạt động.
- Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.

8.4. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

- Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
- Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
 - a) Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán;
 - b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.
- Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
- Trong hoạt động quản lý quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:
 - a) Không được sử dụng tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào chính quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó;
 - b) Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được

thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;

- c) Không được sử dụng tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ trừ trường hợp sử dụng tài sản của quỹ hoán đổi danh mục để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ.

Công ty quản lý quỹ có thể sử dụng vốn của quỹ thành viên, tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục để đầu tư vào các tổ chức nêu trên trong trường hợp Điều lệ quỹ, hợp đồng ủy thác đầu tư, biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép công ty quản lý quỹ thực hiện việc đầu tư này với mức giá dịch vụ quản lý phù hợp và đảm bảo tuân thủ quy định tại điểm b khoản này.

- d) Không được sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng đối với: khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên; hoặc trong trường hợp khách hàng ủy thác quản lý danh mục đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác;
- e) Không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho khách hàng ủy thác.

9. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

9.1. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ đại chúng.
- b) Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ và ngược lại.
- c) Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ, trừ trường hợp các giao dịch ngoại hối phù hợp với quy định của pháp luật liên quan, hoặc các giao dịch chứng khoán thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- d) Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký
- e) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

9.2. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

▪ Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những

khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;

- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ là chính xác;
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty quản lý quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;

▪ **Quyền của ngân hàng giám sát**

- a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.

9.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

- Ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân hàng giám sát bị chia tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán;
 - b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát;
 - c) Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ.
- Trong các trường hợp quy định tài khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho ngân hàng giám sát khác theo quy định pháp luật.

10. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

10.1. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;
- b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
- c) Được UBCKNN cho phép kiểm toán quỹ đầu tư;
- d) Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

10.2. Năm tài chính

Năm tài chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

10.3. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quý do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

10.4. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

10.5. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

